

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2007/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước
và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn
thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP, ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Chỉ thị số 04/2004/CT-TTg, ngày 20 tháng 01 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quản lý cấp nước và tiêu thụ nước sạch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông - Công chính tại Công văn số 1068/SGTCC-ĐT, ngày 06 tháng 11 năm 2006 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2036/STP-VB, ngày 19 tháng 6 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 146/2003/QĐ-UB, ngày 13 tháng 8 năm 2003 và Quyết

định số 187/2004/QĐ-UB, ngày 28 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành và điều chỉnh Quy định về cung cấp sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các đơn vị cấp nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND,
ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng trong phạm vi:

1. Cung cấp và sử dụng nước giữa các đơn vị cấp nước với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân sử dụng nước (gọi là khách hàng) cho mọi mục đích.
2. Bảo vệ công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước trong việc cung cấp và sử dụng nước.
2. Các đơn vị cấp nước, các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước.

Điều 3. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Bảo đảm cung cấp nguồn nước sạch liên tục theo tiêu chuẩn chất lượng do Nhà nước quy định, bảo đảm áp lực nước cung cấp qua đồng hồ nước khách hàng đo được tại đồng hồ vào giờ cao điểm sử dụng nước với mức tối thiểu là 0,1 bar (1 mét), trừ trường hợp bị sự cố phải đóng van cô lập đường ống hoặc nhà máy ngưng bơm để sửa chữa, khắc phục sự cố.

Các trường hợp điều chỉnh công nghệ xử lý nước của nhà máy nước, đơn vị cấp nước phải trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa vào áp dụng.

Đơn vị cấp nước phải tổ chức lực lượng giám sát, thường xuyên theo dõi, ghi nhận thông tin tình hình chất lượng, áp lực nước trên toàn mạng cấp nước thuộc đơn vị quản lý để kịp thời phát hiện sự cố và tổ chức lực lượng xử lý, bảo đảm yêu cầu sử dụng nước của khách hàng.

a) Trường hợp phát hiện nước cung cấp không đảm bảo chất lượng sử dụng hoặc nhận được thông báo nước cung cấp không bảo đảm chất lượng của khách hàng (nước đục hoặc bị nhiễm bẩn), đơn vị cấp nước có trách nhiệm tổ chức ngay việc kiểm tra, lập biên bản đánh giá xác nhận sự việc, tổ chức khắc phục kịp thời trong thời hạn 24 giờ kể từ lúc xảy ra sự việc.

Trường hợp không thể khắc phục kịp thời trong thời hạn nêu trên, đơn vị cấp nước phải có biện pháp tạm cung cấp nước sạch cho khách hàng bảo đảm nhu cầu sử dụng tối thiểu. Sau khi khắc phục xong sự cố, đơn vị cấp nước phải lập biên bản có khách hàng sử dụng nước ký xác nhận việc khắc phục đã hoàn tất.

Khối lượng nước tính theo chỉ số đồng hồ từ lúc khách hàng phát hiện thông báo sự cố cho đơn vị cấp nước đến lúc đơn vị cấp nước lập biên bản khắc phục xong, đơn vị cấp nước không được tính vào hóa đơn tiêu thụ cho khách hàng. Đơn vị cấp nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu sự việc xảy ra gây ảnh hưởng đến sức khỏe của khách hàng sử dụng nước.

b) Trường hợp đơn vị cấp nước phát hiện hoặc được khách hàng thông báo áp lực đo được tại đồng hồ vào giờ cao điểm dùng nước nhỏ hơn 0,1 bar, đơn vị cấp nước phải tổ chức khảo sát, đánh giá, khắc phục kịp thời. Trong trường hợp áp lực nước sụt giảm kéo dài, đơn vị cấp nước phải lập kế hoạch cấp nước bổ sung để bảo đảm nguồn nước tiêu dùng ổn định cho khách hàng.

2. Quản lý, khai thác, cải tạo và sửa chữa toàn bộ mạng lưới cấp nước do đơn vị quản lý.

3. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, với Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã để bảo vệ sự an toàn tuyệt đối các công trình cấp nước kể cả các khu vực và hành lang an toàn các công trình cấp nước do đơn vị quản lý, có biện pháp phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố trên hệ thống cấp nước.

Điều 4. Trách nhiệm của khách hàng

1. Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước và theo bản Quy định này.

2. Bảo quản đồng hồ, đảm bảo điều kiện để đồng hồ nước hoạt động bình

thường, theo dõi tình trạng hoạt động của đồng hồ nước, tình hình nước cung cấp và sử dụng nước (về chất lượng, áp lực, lượng nước tiêu thụ), kịp thời thông báo cho đơn vị cấp nước khi phát hiện các trường hợp bất thường xảy ra để yêu cầu xử lý, giải quyết.

3. Bảo vệ các công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước, không gây trở ngại cho việc quản lý và khai thác đường ống nước; chấp hành chủ trương, chính sách di dời, giải phóng mặt bằng để xây dựng, phát triển công trình cấp nước.

4. Thanh toán kịp thời và đầy đủ các chi phí cung cấp nước theo hóa đơn tiền nước của đơn vị cấp nước.

Điều 5. Giá nước

1. Giá nước do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định căn cứ vào đối tượng sử dụng và được điều chỉnh theo từng thời kỳ

2. Giá nước bán cho các đối tượng ngoài phạm vi quy định về giá nước của Ủy ban nhân dân thành phố do đơn vị cấp nước và khách hàng thuộc các đối tượng này thỏa thuận nhưng không vượt khung giá của Nhà nước quy định.

Điều 6. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. “Đơn vị cấp nước”: là tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn nước sạch và bán lẻ nước sạch.

2. “Khách hàng sử dụng nước”: là tổ chức, cá nhân mua nước của đơn vị cấp nước.

3. “Nước”: là nước sạch đã qua quá trình xử lý, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nước sạch do Nhà nước quy định.

4. “Đường ống nước”: là đường ống dẫn nước sạch đang sử dụng.

5. “Mạng lưới đường ống cấp nước”: là hệ thống đường ống truyền dẫn nước sạch từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, bao gồm mạng cấp I, mạng cấp II, mạng cấp III và các công trình phụ trợ có liên quan.

6. “Mạng cấp I”: là hệ thống đường ống chính có chức năng vận chuyển nước tới các khu vực của vùng phục vụ cấp nước và tới các khách hàng sử dụng nước với khối lượng lớn.

7. “Mạng cấp II”: là hệ thống đường ống nối có chức năng điều hòa lưu lượng cho các tuyến ống chính và bảo đảm sự làm việc an toàn của hệ thống cấp nước.

8. “Mạng cấp III”: là hệ thống các đường ống phân phối lấy nước từ các đường ống chính và ống nối dẫn nước tới các khách hàng sử dụng nước.

9. “Công trình phụ trợ”: là các công trình hỗ trợ cho việc quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hệ thống cấp nước như sân, đường, nhà, xưởng, tường rào, trạm biến áp, các loại hồ van, hộp đồng hồ, trụ nước chữa cháy...

10. “Trộm cấp nước”: là hành vi lấy nước trái phép không qua đồng hồ nước, tác động nhằm làm sai lệch chỉ số đo đếm của đồng hồ và các thiết bị khác có liên quan đến đo, đếm nước, cố ý hoặc thông đồng ghi sai chỉ số đồng hồ và các hành vi lấy nước gian lận khác.

11. “Ống nhánh (ống nhánh)”: là đường ống nước nối từ ống cái vào đồng hồ nước.

12. “Đường ống nước thô”: là đường ống dẫn nước chưa qua quá trình xử lý.

13. “Đường ống truyền tải nước sạch”: là đường ống dẫn nước đã qua quá trình xử lý, tính từ nhà máy nước đến đầu mạng lưới đường ống phân phối nước.

14. “Hệ thống cấp nước”: là các công trình thu nước, trạm bơm, nhà máy và mạng lưới cấp nước.

15. “Mạng lưới cấp nước”: là toàn bộ các đường ống cái, ống nhánh, các hàm van, khóa, đồng hồ nước... và các thiết bị cấp nước phụ trợ.

16. “Đồng hồ nước”: là phương tiện để đo lượng nước tiêu thụ tính bằng mét khối (m^3), được kiểm định, còn hiệu lực, lắp đặt tại một nhà ở, nhà máy, xí nghiệp,... theo hợp đồng của đơn vị cấp nước với khách hàng.

17. “Trạm bơm nước thô”: là nơi vận hành trực tiếp, lấy nước từ nguồn nước mặt, nước ngầm, để cung cấp cho quá trình xử lý thành nước sạch.

18. “Nhà máy xử lý nước”: là nơi tiếp nhận nguồn nước thô để xử lý thành nước sạch cung cấp vào mạng lưới.

19. “Khu vực xử lý nước”: là khu vực xử lý nước thô thành nước sạch.

20. “Giếng nước ngầm”: là giếng khoan khai thác nước dưới đất.

21. “Thủy đài”, “Hồ chứa nước”: là nơi chứa nước sạch để phân phối cho mạng lưới cấp nước.

22. “Trạm xử lý nước ngầm”: là nơi vận hành lấy nước từ các giếng nước

ngâm để xử lý thành nước sạch theo tiêu chuẩn quy định nhằm cung cấp cho mạng lưới cấp nước.

23. “Trạm tăng áp”: là nơi vận hành nhằm tăng áp lực nước sạch cung cấp cho những khu vực có áp lực nước yếu hoặc thiếu.

24. “Tháp cắt áp”: là nơi khống chế áp lực nước tối đa đầu mạng lưới để bảo vệ an toàn mạng lưới cấp nước, phòng chống trường hợp áp lực nước trên mạng lưới tăng đột ngột.

25. “bar”: là đơn vị tính của đồng hồ đo áp lực, tương đương với cột nước cao 10 mét (tính từ vị trí đặt đồng hồ đo áp lực).

26. “Hầm van”: là nơi chứa các van xả gió, van xả bùn, van trên đường ống, van lấy nước và các thiết bị, phụ tùng quản lý mạng.

27. “Phương pháp giả định”: là phương pháp tính trung bình cộng lượng nước khách hàng đã sử dụng trong ba kỳ hóa đơn liền trước đó.

28. “Kỳ hóa đơn”: là lần thanh toán tiền nước của khách hàng cho thời gian sử dụng trước đó, khoảng cách giữa mỗi kỳ hóa đơn là 30 ngày.

Chương II **CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG NƯỚC**

Mục 1 **CUNG CẤP NƯỚC**

Điều 7. Lắp đặt đồng hồ nước

Đơn vị cấp nước thực hiện việc lắp đặt đồng hồ nước theo yêu cầu của khách hàng đối với các địa điểm lắp đặt đồng hồ nước thuộc phạm vi đã có mạng lưới cấp nước và không có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng về địa điểm lắp đặt đồng hồ nước theo cam kết của khách hàng.

Điều 8. Hồ sơ và thời hạn lắp đặt đồng hồ nước

1. Hồ sơ:

a) Phiếu yêu cầu lắp đặt đồng hồ nước (theo mẫu).

b) Một trong những giấy tờ liên quan đến địa điểm yêu cầu lắp đặt đồng hồ nước như:

- Hộ khẩu thường trú.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.
- Hợp đồng chuyển quyền sở hữu nhà lập tại cơ quan công chứng Nhà nước hoặc Ủy ban nhân dân quận - huyện, nơi có căn nhà tọa lạc, đã nộp lệ phí trước bạ và đăng ký.
- Giấy cấp nhà trong nội bộ cơ quan hoặc quyết định cấp nhà của cơ quan có thẩm quyền.
- Hợp đồng của cá nhân, tổ chức thuê nhà của Nhà nước.
- Giấy phép xây dựng nhà.
- Giấy cấp số nhà của cơ quan thẩm quyền cấp quận - huyện.
- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án có hiệu lực thi hành của Tòa án công nhận quyền sở hữu, sử dụng, thừa kế nhà.
- Giấy xác nhận tạm trú của Công an phường, xã.
- Quyết định giao đất của cơ quan chức năng cho chủ đầu tư xây dựng công trình (trong trường hợp chủ đầu tư đang xây dựng công trình, chưa chuyển nhượng cho người sử dụng).

2. Thời gian giải quyết hồ sơ lắp đặt đồng hồ nước không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu của khách hàng (không tính thời gian xin phép đào đường hoặc trường hợp có trở ngại trong thi công do khách quan).

Tại nơi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu lắp đặt đồng hồ nước, đơn vị cấp nước phải niêm yết công khai các quy định về hồ sơ lắp đặt đồng hồ nước, quy trình tiếp nhận, giải quyết hoặc gửi trả hồ sơ. Nếu hồ sơ tiếp nhận đủ điều kiện giải quyết lắp đặt đồng hồ nước thì đơn vị cấp nước phải viết biên nhận hồ sơ, ghi rõ ngày nhận và thời gian giải quyết hồ sơ. Nếu hồ sơ của khách hàng còn thiếu chi tiết, đơn vị cấp nước phải hướng dẫn tận tình, rõ ràng, đầy đủ những nội dung cần bổ sung để khách hàng hiểu và bổ sung trong một lần, tránh đi lại nhiều lần.

Điều 9. Chi phí lắp đặt đồng hồ nước

1. Đơn vị cấp nước chịu chi phí lắp đặt đường ống cấp 3 theo kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp địa điểm được yêu cầu lắp đặt đồng hồ nước chưa có ống cấp 3 và chưa có kế hoạch phát triển ống cái của đơn vị cấp nước thì khách hàng có thể thỏa thuận với đơn vị cấp nước ứng vốn đầu tư lắp đặt trước ống cấp 3, với các điều kiện

về thời hạn và hình thức hoàn trả vốn, bảo đảm quyền lợi kinh doanh của đơn vị cấp nước và của khách hàng, phối hợp thực hiện việc gắn đồng hồ nước.

Khách hàng đã tự đầu tư lắp đặt đường ống cái theo quy định tại Điều 8 Quy định về cung cấp sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 146/2003/QĐ-UB, ngày 13 tháng 8 năm 2003, vẫn tiếp tục áp dụng theo nội dung đã được quy định.

2. Khách hàng chịu trách nhiệm thanh toán chi phí ống nhánh và các chi phí khác có liên quan đến việc lắp đặt đồng hồ nước theo bảng chiết tính của đơn vị cấp nước căn cứ theo đơn giá xây dựng cơ bản hoặc giá khoán do đơn vị cấp nước lập đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Cấp nước qua bất động sản liền kề

1. Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp nước buộc phải qua một bất động sản khác, thì chủ sở hữu hoặc sử dụng bất động sản có liên quan phải dành một lối cấp nước thích hợp, không được cản trở việc cấp nước cho bất động sản liền kề. Trong trường hợp đó, đơn vị cấp nước khi thi công lắp đặt công trình cấp nước phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho bất động sản, nếu để xảy ra thiệt hại thì phải bồi thường.

2. Đối với các công trình lắp đặt đường ống nước, đồng hồ nước được cơ quan có thẩm quyền xác định là công trình phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người có đất bị trưng dụng, thu hồi sẽ được chủ đầu tư bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cung cấp nước cho các khu dân cư, khu đô thị mới, khu chế xuất, công nghiệp, thương mại, dịch vụ

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xây dựng phương án lắp đặt hệ thống cấp nước để phát triển việc lắp đặt đồng hồ nước phục vụ nhu cầu cấp nước của khu dân cư, khu đô thị mới, các khu chế xuất, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và thông báo để khách hàng có nhu cầu sử dụng nước biết.

2. Tại các khu vực cần phát triển hệ thống cấp nước nhưng đơn vị cấp nước chưa đủ điều kiện phát triển thì khuyến khích các đơn vị khác tham gia đầu tư, phát triển dịch vụ cấp nước theo Quy chế xã hội hóa dịch vụ cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo danh mục được đơn vị cấp nước công bố (kêu gọi đầu tư).

Điều 12. Cung cấp nước phòng cháy chữa cháy

1. Trụ nước chữa cháy được sơn màu đỏ do đơn vị cấp nước lắp đặt trong phạm vi mạng lưới cấp nước theo đề nghị của cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và chỉ được sử dụng vào mục đích chữa cháy.

2. Chỉ có đơn vị cấp nước và cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ mới được mở trụ nước chữa cháy để lấy nước phục vụ chữa cháy, diễn tập, theo phương án chữa cháy trong khu vực hoặc để phục vụ công tác kiểm tra, súc xả, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy.

3. Chi phí lắp đặt trụ nước chữa cháy, sử dụng nước phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy và chi phí duy tu, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy do ngân sách thành phố đầu tư.

4. Nghiêm cấm hành vi mở trụ nước chữa cháy lấy nước sử dụng vào mục đích khác, đục phá, di dời, nâng, hạ, thay đổi hoặc gây hư hại trụ nước chữa cháy.

Điều 13. Tạm ngưng cung cấp nước

Đơn vị cấp nước được tạm ngưng cung cấp nước trong các trường hợp sau:

1. Vì lý do chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai hoặc do hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất.

2. Theo kế hoạch sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước hàng năm, đơn vị cấp nước phải có trách nhiệm thông báo cho khách hàng trước 24 giờ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Khi việc sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước buộc phải kéo dài quá 24 giờ trong điều kiện bình thường thì đơn vị cấp nước phải báo cáo và được sự chấp thuận của Sở Giao thông - Công chính, nếu việc sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước buộc phải kéo dài quá 24 giờ và phải ngưng cấp nước trên diện rộng, đơn vị cấp nước phải xin phép Ủy ban nhân dân thành phố kèm theo phương án tạm cung cấp nước cho những khách hàng sử dụng nước có nhu cầu lớn và thiết yếu như bệnh viện, trường học, các cơ quan ngoại giao, cơ quan Nhà nước trong phạm vi ảnh hưởng của việc tạm ngưng cấp nước, đồng thời thông báo đến Sở Giao thông - Công chính để theo dõi, hỗ trợ.

3. Do khách hàng vi phạm các quy định về sử dụng, thanh toán tiền nước sau khi đã có văn bản thông báo của đơn vị cấp nước về nội dung vi phạm hợp đồng của khách hàng.

4. Thực hiện quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Mục 2

ĐỒNG HỒ NƯỚC

Điều 14. Bảo quản đồng hồ nước

1. Khách hàng có trách nhiệm bảo quản đồng hồ nước và các chi niêm phong. Nghiêm cấm các hành vi tự ý đục phá, di dời, nâng hạ, thay đổi cỡ, sửa chữa hoặc bất cứ hành vi nào gây hư hại cho đồng hồ nước và ống nhánh hiện hữu.

2. Khách hàng phải thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước biết khi đồng hồ nước bị mất, bị hư hỏng hoặc chi niêm phong đồng hồ nước bị đứt.

Trường hợp chi niêm phong đồng hồ nước bị đứt được xác định do khách hàng gây ra, đơn vị cấp nước tiến hành kiểm tra tình trạng sử dụng nước của khách hàng, lập thủ tục xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Quy định này; trường hợp việc chi niêm phong bị đứt được khách hàng chứng minh do yếu tố khách quan, chỉ số tiêu thụ trên đồng hồ không bị ảnh hưởng thì đơn vị cấp nước lập biên bản, bấm chi mới niêm phong lại đồng hồ nước.

3. Khách hàng phải thường xuyên theo dõi, so sánh chỉ số đang có trên đồng hồ nước với số tiêu thụ kỳ mới nhất được ghi trên Phiếu đọc số (do nhân viên đơn vị cấp nước ghi), đánh giá mức tiêu thụ trung bình của gia đình (căn hộ) theo tình hình thực tế tăng giảm dùng nước để đánh giá sự phù hợp của lượng nước tăng giảm trong kỳ mới nhất, kịp thời thông báo đến đơn vị cấp nước yêu cầu kiểm tra, xử lý, khi đánh giá phát hiện lượng nước sử dụng trong kỳ tăng giảm không bình thường.

Điều 15. Thay đồng hồ nước

1. Trường hợp đồng hồ nước bị mất hoặc hư hỏng do lỗi của khách hàng, đơn vị cấp nước sẽ thay đồng hồ nước khác, toàn bộ chi phí phát sinh do khách hàng thanh toán theo bảng chiết tính của đơn vị cấp nước.

2. Trường hợp đồng hồ nước bị hư hỏng mà không phải do lỗi của khách hàng hoặc chi niêm phong bị đứt, khách hàng phải thông báo cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bấm chi hoặc thay đồng hồ nước khác.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thay đồng hồ nước miễn phí khi đồng hồ nước đó không đọc được chỉ số, ngưng hoạt động, kính mờ, có dấu hiệu chạy không chính xác... không do lỗi khách hàng hoặc đến kỳ hạn phải thay thế tùy thuộc vào từng cỡ loại đồng hồ nước được thỏa thuận lắp đặt trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước và theo quy định của Nhà nước.

Điều 16. Kiểm định đồng hồ nước

1. Đồng hồ nước gắn tại nhà khách hàng phải được tổ chức hoặc cơ quan kiểm định có thẩm quyền theo quy định của Nhà nước kiểm định trước khi lắp đặt, thay thế. Đơn vị cấp nước phải cung cấp bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đồng hồ cho khách hàng khi lắp đặt.

2. Sau lần kiểm định ban đầu, các kỳ kiểm định sau được thực hiện theo định kỳ phù hợp với quy định của Nhà nước. Khi đồng hồ nước đến hạn kiểm định định kỳ, đơn vị cấp nước phải thực hiện thay mới đồng hồ nước cho khách hàng, khách hàng có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để đơn vị cấp nước thực hiện.

3. Đơn vị cấp nước phải gửi đồng hồ nước sau khi được sửa chữa, đến tổ chức hoặc cơ quan kiểm định có thẩm quyền kiểm định trước khi đưa vào lắp đặt.

Điều 17. Kiểm tra đồng hồ nước

1. Khách hàng có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra đồng hồ nước khi có cơ sở nghi ngờ đồng hồ nước chạy không chính xác. Đồng hồ nước được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra có sai số không vượt quá $\pm 5\%$ so với lượng nước thực tế qua đồng hồ nước.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu kiểm tra của khách hàng, đơn vị cấp nước phải tổ chức kiểm tra đồng hồ nước.

a) Với các loại đồng hồ nước cỡ nhỏ, việc kiểm tra được tổ chức thực hiện tại nhà khách hàng bằng các thiết bị đo có cấp chính xác từ 0,1% đến 0,5% đã được kiểm định bởi cơ quan có thẩm quyền, còn hiệu lực (thùng đong hoặc đồng hồ đo chuẩn có cấp chính xác như trên, tùy theo lựa chọn của khách hàng).

Trường hợp khách hàng không đồng ý kết quả kiểm tra, đơn vị cấp nước lập biên bản tháo gỡ đồng hồ nước, niêm phong với sự chứng kiến và ký xác nhận của khách hàng, lắp đặt đồng hồ khác thay thế để khách hàng sử dụng trong thời gian thực hiện kiểm tra đồng hồ hiện hữu. Đồng hồ nước của khách hàng sau khi được tháo gỡ, niêm phong, sẽ được đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm bảo quản niêm phong gửi đến tổ chức hoặc cơ quan kiểm định có thẩm quyền theo quy định của Nhà nước để tổ chức kiểm tra theo như trường hợp đối với đồng hồ nước cỡ lớn được quy định sau đây.

b) Với các đồng hồ nước cỡ lớn không có điều kiện tổ chức kiểm tra tại nhà khách hàng, đơn vị cấp nước phải lập biên bản tháo gỡ đồng hồ nước, niêm phong với sự chứng kiến và ký xác nhận của khách hàng, lắp đặt đồng hồ khác thay thế để

khách hàng sử dụng trong thời gian thực hiện kiểm tra đồng hồ hiện hữu. Đồng hồ nước của khách hàng sau khi được tháo gỡ, niêm phong, sẽ được đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm bảo quản niêm phong gửi đến tổ chức hoặc cơ quan kiểm định có thẩm quyền theo quy định của Nhà nước để tổ chức kiểm tra. Việc thực hiện kiểm tra đồng hồ nước phải theo đúng quy trình được cơ quan thẩm quyền ban hành, có sự chứng kiến của khách hàng (trường hợp khách hàng vắng mặt không có lý do, việc kiểm tra vẫn được tiến hành), quá trình kiểm tra được lập thành biên bản ghi rõ trình tự, nội dung thực hiện, kết quả kiểm tra (biên bản được giao cho khách hàng 01 bản). Căn cứ kết quả kiểm tra đồng hồ nước, đơn vị cấp nước xem xét giải quyết với khách hàng các nội dung sau:

- Nếu kết quả đo chênh lệch so với lượng nước qua đồng hồ nước trong giới hạn sai số cho phép, thì khách hàng tiếp tục sử dụng đồng hồ nước hiện hữu, các chỉ số đồng hồ nước được giữ nguyên để tính toán lượng nước tiêu thụ của khách hàng. Trong trường hợp này khách hàng có yêu cầu kiểm tra đồng hồ nước phải thanh toán chi phí tổ chức kiểm tra (nếu có).

- Nếu kết quả đo chênh lệch so với lượng nước qua đồng hồ nước vượt quá giới hạn sai số cho phép (đồng hồ nước chạy nhanh hoặc chạy chậm) thì đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ khác cho khách hàng, đồng thời phải hoàn trả cho khách hàng số tiền nước đã thu tương ứng với sai số đồng hồ nước chạy nhanh (được tính trên cơ sở kết quả kiểm tra) thuộc kỳ hóa đơn khách hàng có yêu cầu kiểm tra đồng hồ nước. Trong trường hợp này đơn vị cấp nước phải chịu chi phí tổ chức kiểm tra (nếu có).

Điều 18. Không ghi được chỉ số đồng hồ nước

1. Trường hợp đồng hồ nước bị hư hỏng thì lượng nước sử dụng được tính theo phương pháp giả định, nhưng việc tính theo phương pháp này không được kéo dài quá hai kỳ hóa đơn liên tiếp. Đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ nước mới cho khách hàng, khách hàng phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc thay đồng hồ nước này.

2. Trường hợp đơn vị cấp nước không thể ghi chỉ số như: nhà khóa cửa, ổ khóa hộp bảo vệ đồng hồ nước bị hỏng không mở được, đồng hồ nước bị che lấp không đọc được chỉ số... thì lượng nước sử dụng sẽ được tính theo phương pháp giả định nêu trên, nhưng cũng không được tính kéo dài quá hai kỳ hóa đơn liên tiếp. Đơn vị cấp nước phải thông báo cho khách hàng, chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, để cùng tác động đến khách hàng, khắc phục để đọc được chỉ số đồng hồ nước.

Điều 19. Điều chỉnh chỉ số đồng hồ nước

Trường hợp đồng hồ nước bị mờ mặt số (chưa kịp thay) không thể ghi chỉ số chính xác dẫn đến việc tính không đúng lượng nước sử dụng cho khách hàng thì đơn vị cấp nước phải thông báo cho khách hàng biết trong kỳ hóa đơn đó lượng nước sai biệt (tăng hoặc giảm) sẽ được khấu trừ hoặc tính vào hóa đơn kỳ tiếp theo. Đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ mới cho khách hàng như quy định tại khoản 1 Điều 18 Quy định này.

Mục 3

HỆ THỐNG DẪN NƯỚC

Điều 20. Hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước

Việc thiết lập hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước do khách hàng tự thiết kế, lắp đặt và chịu trách nhiệm về chất lượng trong trường hợp nước sử dụng bị ô nhiễm từ bể chứa, đường ống nội bộ và về khối lượng nước bị thất thoát, rò rỉ trong sử dụng do đường ống nội bộ bị bể, thiết bị vệ sinh hư hỏng. Đơn vị cấp nước không chịu trách nhiệm lắp đặt, sửa chữa, cải tạo hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước.

Điều 21. Quy định đối với khách hàng về việc lắp đặt hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước

1. Không được lắp đặt máy bơm hút nước trực tiếp từ đường ống có nguồn nước do đơn vị cấp nước cung cấp. Chỉ được dùng máy bơm hút nước từ phương tiện chứa nước trong nhà để sử dụng.

2. Trường hợp có hồ cao thì không được nối liền hệ thống sử dụng nước từ hồ cao vào hệ thống cấp nước trực tiếp từ đồng hồ nước, mà phải dẫn nguồn nước từ hồ cao xuống phương tiện chứa nước trong nhà để sử dụng.

3. Trường hợp nơi sử dụng nước có 02 nguồn nước trong cùng một bất động sản (nước do đơn vị cấp nước cung cấp và nước giếng đào hoặc giếng khoan) tuyệt đối không được nối liền các nguồn nước với nhau, không được bơm nguồn nước khác ngược trở vào hệ thống cấp nước.

4. Trường hợp có 02 hay nhiều đồng hồ nước sử dụng nguồn nước do đơn vị cấp nước cung cấp thì hệ thống ống nước của từng đồng hồ nước phải độc lập, không được nối liền nhau.

5. Không được lắp đặt, sử dụng hệ thống ống dẫn nước có chất chì, chất độc hoặc chất có khả năng gây bệnh.

Điều 22. Thay đổi hệ thống cấp nước

1. Việc thay đổi hệ thống cấp nước thuộc hệ thống cấp nước do đơn vị cấp nước quản lý sẽ được đơn vị cấp nước thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Thay đổi hệ thống cấp nước cho phù hợp với nhu cầu xây dựng, quy hoạch các công trình đô thị theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thay đổi hệ thống cấp nước theo yêu cầu của khách trong điều kiện kỹ thuật cho phép.

2. Trường hợp thực hiện theo yêu cầu của khách hàng thì khách hàng phải thanh toán chi phí theo bảng chiết tính của đơn vị cấp nước.

Điều 23. Kiểm tra hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước

1. Trường hợp xét thấy cần thiết đơn vị cấp nước được cử nhân viên thực hiện việc kiểm tra hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước. Nhân viên đơn vị cấp nước phải xuất trình giấy công tác và thẻ cán bộ, công nhân viên cho khách hàng trước khi tiến hành kiểm tra.

2. Trường hợp được nhân viên ghi số đồng hồ nước thông báo lượng nước tiêu thụ trong kỳ không bình thường (tăng, giảm), khách hàng có trách nhiệm kiểm tra bể chứa, các thiết bị sử dụng nước, đường ống sau đồng hồ nước để sửa chữa các thiết bị hư hỏng, các điểm rò rỉ, ống bể.

Sau khi kết thúc trình tự kiểm tra, nếu hệ thống đường ống và thiết bị dùng nước trong nhà được đánh giá là hoạt động bình thường và không xác định được nguyên nhân lượng nước tiêu thụ tăng, giảm, bất thường thì khách hàng có trách nhiệm thông báo ngay cho đơn vị cấp nước để kiểm tra tình trạng đồng hồ nước.

Mục 4**SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN TIỀN NƯỚC****Điều 24. Định mức nước sử dụng**

1. Định mức nước sử dụng được cấp cho đối tượng hộ gia đình theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong từng thời kỳ. Lượng nước sử dụng vượt định mức được tính theo giá nước quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đối với trường hợp sử dụng nước vượt định mức.

2. Trường hợp khách hàng sử dụng nước cho nhiều đối tượng sử dụng thì giá

nước phải áp dụng theo nhiều mức giá phù hợp với các đối tượng.

Điều 25. Cách tính lượng nước sử dụng

1. Đơn vị để tính lượng nước sử dụng là mét khối (m³). Việc ghi chỉ số đồng hồ nước được thực hiện mỗi tháng một lần. Chỉ số sử dụng nước được ghi vào phiếu ghi chỉ số nước sử dụng phát cho khách hàng.

2. Khách hàng phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân viên đơn vị cấp nước đọc và ghi chỉ số đồng hồ nước, kiểm tra đồng hồ nước và tình hình sử dụng nước theo yêu cầu của công tác quản lý.

3. Nếu hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước bị hư, bể, gây rò rỉ, thất thoát nước thì lượng nước thất thoát vẫn tính vào lượng nước sử dụng theo chỉ số đồng hồ nước.

Điều 26. Sử dụng nước

1. Khách hàng sử dụng nước phải tuân thủ theo bản quy định này và các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước.

2. Trường hợp cần tạm ngưng sử dụng nước trong một thời gian, khách hàng có thể tạm khóa nước phía sau đồng hồ nước và có trách nhiệm thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để khóa nước chính thức, niêm chì hoặc gỡ đồng hồ nước. Nếu khách hàng không thông báo cho đơn vị cấp nước, đơn vị cấp nước vẫn tính lượng nước sử dụng theo phương pháp giả định được quy định tại khoản 2 Điều 18 bản Quy định này.

Nếu khách hàng không sử dụng nước trên 02 tháng nhưng không thông báo thì đơn vị cấp nước được quyền khóa nước và thông báo đến chính quyền địa phương.

Điều 27. Thay đổi đối tượng sử dụng nước

1. Khách hàng có nhu cầu thay đổi đối tượng sử dụng nước đã đăng ký thì phải đăng ký lại hoặc đăng ký bổ sung với đơn vị cấp nước để có cơ sở tính đúng giá nước theo quy định, phù hợp với việc sử dụng nước thực tế.

2. Trường hợp khách hàng thay đổi đối tượng sử dụng nước mà không đăng ký với đơn vị cấp nước thì tiền nước sử dụng sẽ được đơn vị cấp nước tính đúng giá theo đối tượng sử dụng thực tế và bị truy thu (nếu có) kể từ ngày thay đổi đối tượng sử dụng nước theo khối lượng nước bình quân sử dụng và giá nước tương ứng với đối tượng sử dụng theo quy định của từng thời điểm.

Điều 28. Đổi tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước

1. Trường hợp khách hàng chuyển giao bất động sản cho người khác như:

chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho, tặng... thì phải chuyển giao cả quyền sử dụng đồng hồ nước. Khách hàng sử dụng nước tiếp theo phải đăng ký và ký kết lại hợp đồng cung cấp - sử dụng nước với đơn vị cấp nước.

2. Đơn vị cấp nước không giải quyết yêu cầu xin dời đồng hồ nước từ bất động sản mà khách hàng đã chuyển giao (hoặc dự định chuyển giao) sang một bất động sản hoặc một vị trí khác theo yêu cầu của khách hàng mà không có sự đồng ý của các bên có liên quan.

3. Khi bất động sản được chia cho các đồng thừa kế hoặc các đồng sở hữu theo quy định của pháp luật thì đơn vị cấp nước chỉ giải quyết yêu cầu dời đồng hồ nước sang phần bất động sản của khách hàng là người đứng tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước hoặc di dời đồng hồ nước sang vị trí đã được khách hàng đứng tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước thỏa thuận với các bên có liên quan. Chi phí di dời do khách hàng thanh toán theo bảng chiết tính của đơn vị cấp nước.

4. Sau khi được lắp đặt một đồng hồ nước cho một bất động sản, nếu bất động sản đó được phân chia thành nhiều chủ sử dụng thì các chủ sở hữu này đều có quyền sử dụng chung một đồng hồ nước đã được lắp đặt cho đến khi được lắp đặt đồng hồ nước riêng.

Điều 29. Thanh toán tiền sử dụng nước

1. Khách hàng phải thanh toán đầy đủ tiền nước sử dụng khi nhận được giấy báo tiền nước; tiền nước có thể được thanh toán bằng một trong các hình thức thông dụng.

2. Trường hợp khách hàng chưa thể thanh toán tiền nước ngay khi nhận được giấy báo tiền nước thì khách hàng phải đến thanh toán tiền nước tại địa điểm do đơn vị cấp nước quy định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo. Sau thời hạn này khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền nước thì đơn vị cấp nước sẽ gửi giấy báo tiền nước lần hai (lần cuối cùng). Thời hạn để thanh toán của giấy báo này là 07 ngày kể từ ngày nhận. Quá thời hạn này nhưng khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền nước, đơn vị cấp nước tạm ngưng cung cấp nước cho đến khi khách hàng thanh toán đầy đủ tiền nước theo giấy báo.

Chương III

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC, HÀNH LANG VÀ KHU VỰC AN TOÀN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

Điều 30. Khu vực bảo vệ an toàn đối với nguồn nước mặt

1. Nguồn nước mặt là nguồn nước sông (nước thô), được bơm để cung cấp cho quá trình xử lý thành nước sạch, khu vực bảo vệ có phạm vi giới hạn theo quy định như sau:

a) Tính từ điểm lấy nước (bơm lấy nước) về phía thượng lưu không nhỏ hơn 200 mét, về phía hạ lưu không nhỏ hơn 100 mét.

b) Cách bờ sông phía có công trình thu tính từ mức nước cao nhất không nhỏ hơn 100 mét.

c) Cách bờ sông về phía đối diện với công trình thu không nhỏ hơn 50 mét tính từ mực nước cao nhất khi chiều rộng của sông nhỏ hơn 100 mét, và cách công trình thu không nhỏ hơn 100 mét khi chiều rộng của sông lớn hơn 100 mét.

2. Trong khu vực bảo vệ nguồn nước sông của trạm bơm nước thô, nghiêm cấm những hành vi sau đây:

a) Xây dựng bất cứ công trình nào trên bờ, trên mặt nước, dưới mặt nước (trừ các công trình phục vụ cho việc bơm nguồn nước mặt để cung cấp cho việc xử lý thành nước sạch).

b) Xả nước bẩn công nghiệp, sinh hoạt mặc dù đã qua quá trình xử lý hay xả mương thoát nước nông nghiệp chảy vào sông.

c) Neo đậu thuyền bè, xây dựng bến dò ngang, bến phà.

d) Sửa chữa, làm vệ sinh thiết bị, xe máy.

e) Người và gia súc tắm, giặt.

3. Đơn vị cấp nước quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước sông của trạm bơm nước thô phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Dựng biển thông báo phạm vi giới hạn khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước sông theo quy định, đủ để mọi người nhận biết phạm vi và các yêu cầu bảo vệ.

b) Cắm các cột mốc giới hạn khu vực bảo vệ với khoảng cách đủ để xác định chính xác phạm vi bảo vệ an toàn nguồn nước.

c) Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 31. Khu vực bảo vệ an toàn đối với giếng nước ngầm

1. Khu vực bảo vệ an toàn giếng nước ngầm là khoảng cách có bán kính được xác định theo quy định của Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam 33:2006 và các quy định hiện hành.

2. Trong khu vực bảo vệ an toàn giếng nước ngầm, nghiêm cấm những hành vi sau đây:

a) Xây dựng bất cứ công trình nào (trừ các công trình phục vụ cho việc bảo vệ, khai thác giếng nước ngầm).

b) Đào hố nước, hố rác, hố phân, hố vôi...

c) Phóng uế, đổ phân rác, chăn nuôi súc vật, trồng rau, hoa màu, cây có phân bón.

3. Đơn vị cấp nước quản lý khu vực sử dụng nguồn giếng nước ngầm phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Dựng biển thông báo phạm vi giới hạn khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước ngầm theo quy định đủ để mọi người nhận biết phạm vi và các yêu cầu bảo vệ.

b) Xây dựng tường rào bảo vệ xung quanh khu vực bảo vệ giếng nước ngầm.

c) Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 32. Khu vực bảo vệ an toàn đối với đường ống nước thô, đường ống truyền tải nước sạch và hành lang đường ống cấp nước

1. Hành lang an toàn các đường ống nước thô, hành lang an toàn các đường ống truyền tải nước sạch được quy định cụ thể theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với từng đường ống.

Trường hợp chưa có quyết định cụ thể của cơ quan có thẩm quyền thì hành lang an toàn của các đường ống nước thô và hành lang an toàn các đường ống truyền tải nước sạch được xác định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 682/BXD-CSXD, ngày 14 tháng 12 năm 1996 và Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam 33:2006 ban hành theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BXD, ngày 17 tháng 3 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

2. Trong khu vực bảo vệ hành lang an toàn các đường ống nước thô và các đường ống truyền tải nước sạch, nghiêm cấm những hành vi sau đây:

a) Xây dựng nhà ở, lều quán, rào chắn, vật kiến trúc, kho tàng, bến bãi, biển quảng cáo hay bất cứ công trình nào (kể cả xây dựng tạm thời).

b) Xả rác, xả bẩn hay đổ đất, đá, xà bần, vật liệu xây dựng.

c) Đào bới, lấy đất đá.

d) Các loại xe, phương tiện cơ giới có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép (theo

biển báo giao thông) băng ngang, đỗ, dừng lại trong khu vực bảo vệ hành lang an toàn các đường ống, tuyến ống cấp nước.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu đột xuất cho xe, phương tiện cơ giới, có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép (theo biển báo giao thông) di chuyển băng ngang qua hành lang bảo vệ tuyến ống cấp nước, tổ chức, cá nhân, phải lắp đặt cầu vượt tạm thời chịu tải trọng phù hợp (được đơn vị cấp nước quản lý tuyến ống chấp thuận) trước khi cho xe, phương tiện vượt qua hành lang ống nước.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu mở lối ra vào thường xuyên cho xe, phương tiện cơ giới, có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép (theo biển báo giao thông) di chuyển băng ngang qua hành lang bảo vệ tuyến ống cấp nước, tổ chức, cá nhân phải đầu tư xây dựng cầu vượt ngầm chịu tải trọng phù hợp (được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thiết kế), làm cơ sở mở lối ra vào cho xe và phương tiện cơ giới.

3. Đơn vị cấp nước quản lý khu vực bảo vệ hành lang an toàn các đường ống cấp nước, tuyến ống nước phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Dựng biển báo hạn chế giao thông theo yêu cầu, thông báo khu vực bảo vệ hành lang an toàn tuyến ống theo quy định đủ để mọi người nhận biết hành lang tuyến ống và các yêu cầu bảo vệ.

b) Cắm các cột mốc tim, biên dọc hành lang tuyến ống với khoảng cách đủ để xác định chính xác vị trí tim tuyến ống.

c) Đối với các dự án đang thực hiện và sẽ đầu tư các tuyến ống cấp nước, đơn vị cấp nước (chủ đầu tư) phải bảo đảm điều kiện lắp đặt để các loại xe, phương tiện cơ giới có tải trọng phù hợp với tải trọng các tuyến đường giao thông hiện hữu và theo quy hoạch lưu thông băng ngang hành lang tuyến ống.

d) Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng Thanh tra Giao thông - Công chính, Cảnh sát Giao thông, phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 33. Đối với khu vực bảo vệ an toàn thủy đài, hồ chứa nước

1. Khu vực bảo vệ an toàn thủy đài, hồ chứa nước là khoảng cách có bán kính được xác định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 682/BXD-CSXD, ngày 14 tháng 12 năm 1996, Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam 33:2006 ban hành theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BXD, ngày 17 tháng 3 năm 2006 của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành.

2. Trong khu vực bảo vệ an toàn hồ chứa nước, thủy đài, nghiêm cấm những hành vi sau đây:

a) Xây dựng nhà cửa, lều quán, hay bất cứ vật kiến trúc, công trình nào (trừ các công trình phục vụ cho hoạt động của thủy đài, hồ chứa nước).

b) Chăn nuôi, trồng trọt.

c) Xả rác, xả bẩn, phóng uế, đổ phân rác.

3. Đơn vị cấp nước quản lý thủy đài, hồ chứa nước phải thực hiện các nội dung sau đây đối với các thủy đài, hồ chứa nước, đã có khu vực bảo vệ an toàn cụ thể theo quyết định của cơ quan thẩm quyền:

a) Xây dựng tường rào bảo vệ xung quanh.

b) Dựng biển thông báo khu vực bảo vệ an toàn thủy đài, hồ chứa nước theo quy định để mọi người nhận biết khu vực an toàn thủy đài, hồ chứa nước và các yêu cầu bảo vệ.

4. Đối với các thủy đài, hồ chứa nước chưa có khu vực bảo vệ an toàn cụ thể theo quyết định của cơ quan thẩm quyền, đơn vị cấp nước quản lý thủy đài, hồ chứa nước phải thực hiện ngay các nội dung sau đây:

a) Thống kê danh mục các thủy đài, hồ chứa nước thuộc đơn vị cấp nước quản lý chưa có quyết định của cơ quan thẩm quyền, xác định khu vực bảo vệ an toàn thủy đài, hồ chứa nước; nghiên cứu đề xuất giải pháp lập khu vực tạm thời bảo vệ an toàn cho các thủy đài, hồ chứa nước, bảo đảm an toàn nguồn nước sạch, bảo đảm an toàn không để xảy ra sự cố có nguy cơ gây thảm họa đối với người, tài sản và môi trường chung quanh, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét chỉ đạo.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, chính quyền địa phương, căn cứ các quy định hiện hành, hồ sơ lưu trữ, hiện trạng mặt bằng khu vực các thủy đài, hồ chứa nước trong danh mục thống kê nêu trên, lập hồ sơ đề xuất thiết lập khu vực bảo vệ an toàn các thủy đài, hồ chứa nước có liên quan, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt ban hành khu vực bảo vệ an toàn cho các thủy đài, hồ chứa nước liên quan.

5. Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 34. Xử lý đối với các công trình xây dựng vi phạm quy định về khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước mặt, hành lang đường ống cấp nước và các khu vực bảo vệ an toàn giếng nước ngầm, thủy đài, hồ chứa nước

1. Đơn vị cấp nước quản lý các công trình cấp nước có nhiệm vụ thực hiện các nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31, khoản 5 Điều 32, các khoản 3, khoản 4 Điều 33 Quy định này, công bố rõ ràng, đầy đủ theo quy định khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước mặt, hành lang đường ống cấp nước, và các khu vực bảo vệ an toàn giếng nước ngầm, thủy đài, hồ chứa nước, bảo đảm công tác bảo vệ an toàn các công trình do đơn vị quản lý, làm cơ sở giám sát, phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm.

2. Tất cả các công trình như nhà ở, lều quán, vật kiến trúc, chuồng trại, bến bãi, kho tàng hay bất cứ công trình nào đã hoặc đang xây dựng vi phạm khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm, hành lang tuyến ống nước, khu vực bảo vệ an toàn thủy đài, hồ chứa nước theo quy định tại các Điều 30, 31, 32, và 33 của Quy định này phải di dời hoặc giải tỏa theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Điều 35. Quy định đối với việc xây dựng các loại công trình có ảnh hưởng sự an toàn của công trình cấp nước

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trước khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước phải:

1. Có giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.
2. Trực tiếp liên hệ, tham khảo ý kiến các đơn vị cấp nước có liên quan.
3. Chỉ được khởi công khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước có liên quan.
4. Khôi phục lại nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi do quá trình thực hiện thi công sau khi đã hoàn thành công việc.

Điều 36. Đối với nhà máy nước

Đơn vị cấp nước quản lý nhà máy nước phải thực hiện các nội dung sau:

1. Phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước.
2. Thực hiện chế độ bảo vệ an toàn nghiêm ngặt nhà máy nước, khu vực xử lý nước.
3. Đảm bảo vệ sinh môi trường, sạch, thoáng trong khuôn viên nhà máy nước.
4. Thực hiện nghiêm chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu vực xử lý nước. Nghiêm cấm các hành vi, trường hợp gây ô nhiễm, dơ bẩn, mất vệ sinh hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm khu vực xử lý nước.
5. Nghiêm cấm các hành vi xâm phạm đến sự an toàn của nhà máy nước và khu vực xử lý nước.

Điều 37. Đối với đường ống nước trên mạng lưới cấp nước

Nghiêm cấm các hành vi:

1. Tự ý đục phá đường ống nước, đục đường ống để lấy nước, tháo mở, lấy cắp các phụ kiện, thiết bị được gắn theo đường ống nước hoặc các hành vi gây hư hại cho đường ống nước.
2. Tự ý di dời, nâng hạ, đổi cỡ đường ống nước tính đến ngay trước đồng hồ nước của khách hàng sử dụng nước sạch.
3. Tự ý nối đường ống dẫn nước để sử dụng không qua đồng hồ nước.

Điều 38. Đối với trạm bơm nước, trạm khai thác nước ngầm, trạm tăng áp, tháp cất áp

Đơn vị cấp nước quản lý các công trình này phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên.
2. Thực hiện chế độ bảo vệ an toàn nhằm mục đích đảm bảo sự vận hành liên tục.
3. Đảm bảo vệ sinh môi trường, sạch, thoáng.
4. Nghiêm cấm các hành vi xâm phạm đến sự an toàn, vận hành của các công trình cấp nước này.

Điều 39. Đối với hầm van

Nghiêm cấm các hành vi:

1. Tự ý đục phá, mở nắp hầm van, tự ý lấy các thiết bị, phụ kiện được gắn trong hầm van.
2. Thực hiện các hành vi khác làm hư hại đối với hầm van, làm ảnh hưởng tới sự vận hành, an toàn của hầm van.

Điều 40. Đối với các công trình phụ trợ khác

Nghiêm cấm hành vi tự ý đục phá, di dời, thay đổi, tháo gỡ, lấy cắp, điều chỉnh hoặc các hành vi gây hư hại cho các công trình phụ trợ, các thiết bị đi kèm các công trình cấp nước này.

Điều 41. Xử lý đối với việc làm ô nhiễm khu vực công trình cấp nước

1. Nếu bên ngoài tường rào bảo vệ các công trình cấp nước là các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, chuồng trại gây ảnh hưởng, ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng, ô nhiễm môi trường khai thác, xử lý và cung cấp nước thì phải được giải

quyết, xử lý nhằm khắc phục triệt để hậu quả hoặc tác nhân gây ảnh hưởng, ô nhiễm theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

2. Mọi tổ chức, cá nhân khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến công trình cấp nước phải chịu mọi phí tổn về việc sửa chữa để khắc phục hậu quả gây thiệt hại đối với các công trình cấp nước có liên quan.

3. Đơn vị quản lý công trình cấp nước có liên quan đến các nội dung nêu ở các khoản 1, 2 Điều này, phải tổ chức giám sát, phát hiện kịp thời, phối hợp với chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung quy định liên quan.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

Điều 42. Trách nhiệm của Sở Giao thông - Công chính

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan thông tin đại chúng để phổ biến, tuyên truyền việc thực hiện quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về bảo vệ công trình cấp nước.

2. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về chuyên ngành. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung liên quan về bảo vệ công trình cấp nước theo quy định.

3. Chỉ đạo các đơn vị cấp nước nhanh chóng giải quyết các sự cố về đường ống nước, công trình cấp nước... nhằm đảm bảo việc cung cấp nước được liên tục.

4. Chủ trì việc hướng dẫn các cấp, các ngành, các đơn vị cấp nước thực hiện quy định này. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về công tác đảm bảo nguồn nước cung cấp cho nhân dân thành phố và bảo vệ công trình cấp nước.

Điều 43. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước

1. Quản lý và trực tiếp chịu trách nhiệm đối với các công trình cấp nước do đơn vị quản lý, thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn các công trình cấp nước để kiến nghị các cơ quan chức năng việc xử phạt hoặc phối hợp giải quyết theo quy định.

2. Tổ chức tiếp nhận thông tin của khách hàng đối với các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước để xử lý, trả

lời theo trách nhiệm được giao. Đối với các thông tin về sự cố đường ống nước, công trình cấp nước phải nhanh chóng thực hiện các biện pháp khắc phục để đảm bảo việc cung cấp nước được liên tục, an toàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng để xác định, kiến nghị, công bố vấn đề tải trọng, hành lang an toàn đường ống nước, khu vực an toàn các công trình cấp nước chưa được xác định trong từng điều kiện, hoàn cảnh.

4. Phối hợp với các cơ quan chức năng để tiến hành việc cấm mốc, cột tim, cột biên, biển báo tải trọng... đối với hành lang an toàn đường ống nước, khu vực an toàn các công trình cấp nước đã được xác định.

5. Xây dựng tường rào bảo vệ các công trình cấp nước trong phạm vi, giới hạn theo quy định.

6. Phối hợp với các địa phương nơi có đường ống nước, công trình cấp nước để tiến hành các biện pháp bảo vệ các công trình cấp nước thuộc chức năng quản lý.

7. Soạn thảo các loại hợp đồng về việc cung cấp và sử dụng nước, bán sỉ nước cho các đối tượng khác nhau bảo đảm đúng nguyên tắc quy định ở bản Quy định này và các quy định của luật pháp có liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận - huyện

1. Tổ chức công tác phổ biến, tuyên truyền và kiểm tra việc thực hiện quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về bảo vệ công trình cấp nước trong phạm vi địa phương.

2. Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước để xử phạt theo thẩm quyền quy định.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trực thuộc hỗ trợ, phối hợp với các đơn vị cấp nước để kịp thời giải quyết các sự cố về đường ống nước, công trình cấp nước... nhằm đảm bảo sự cung cấp nước được liên tục và trật tự an toàn xã hội.

4. Phối hợp với Sở Giao thông - Công chính, các đơn vị cấp nước và các cơ quan, ban, ngành có liên quan để bảo vệ công trình cấp nước trong phạm vi địa phương.

Điều 45. Trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành

Các cơ quan, ban, ngành thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình tổ chức thực hiện việc bảo vệ công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước. Đồng thời hỗ trợ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan khác để thực hiện tốt những quy định ở bản Quy định này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 46. Vi phạm về thanh toán tiền nước

1. Trường hợp quá thời hạn quy định tại Điều 29 Quy định này nhưng khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền nước thì đơn vị cấp nước có quyền tạm ngưng cung cấp nước. Khi có nhu cầu sử dụng nước trở lại, khách hàng phải thanh toán đầy đủ số tiền nước còn nợ cho đơn vị cấp nước và chịu chi phí về việc đóng, mở nước, vật tư sử dụng (nếu có) theo bảng chiết tính của đơn vị cấp nước.

2. Sau 60 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo tiền nước lần thứ nhất nhưng khách hàng vẫn không thanh toán tiền nước thì đơn vị cấp nước có quyền hủy bỏ hợp đồng cung cấp và sử dụng nước đã ký kết với khách hàng, khi có nhu cầu sử dụng nước, khách hàng phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cộng với lãi suất ngân hàng không kỳ hạn ở thời điểm thanh toán và toàn bộ chi phí cho việc lắp đặt đồng hồ nước.

Điều 47. Xử lý hành vi vi phạm khác

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm nguồn nước và hệ thống cấp nước đô thị như: vi phạm hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước; dịch chuyển, làm hư hỏng đường ống nước, trộm cắp nước... sẽ phải bồi thường thiệt hại (nếu có), bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân nào cấp giấy phép xây dựng vi phạm hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi cấp phép sai và liên đới bồi thường thiệt hại xảy ra (nếu có).

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi trộm cắp nước thì sẽ bị tạm ngưng cung cấp nước theo quy định tại khoản 3 Điều 13, bị truy thu tiền nước và phải bồi thường thiệt hại cho đơn vị cấp nước (nếu có). Việc truy thu tiền nước được căn cứ theo thời gian thực tế sử dụng nước và giá nước theo quy định của từng thời điểm. Nếu khách hàng không thanh toán số tiền bồi thường thiệt hại thì đơn vị cấp nước sẽ yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi gây trở ngại cho việc quản lý và khai thác đường ống nước của đơn vị cấp nước phải bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

4. Cán bộ, công nhân viên thuộc đơn vị cấp nước hoặc cá nhân, tổ chức được

phân công nhiệm vụ nhưng không hoàn thành trách nhiệm theo Quy định này hoặc có hành vi sách nhiễu, bao che vi phạm, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Điều 48. Khen thưởng

Các cá nhân, tổ chức hoặc cán bộ, công nhân viên thuộc đơn vị cấp nước và bất cứ người dân nào chấp hành tốt bản Quy định này hoặc có thành tích tham gia bảo vệ, phát hiện, thông báo, ngăn chặn hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước sẽ được đề xuất biểu dương, khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 49. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Khách hàng có quyền khiếu nại về việc đơn vị cấp nước đã tính toán không chính xác lượng nước sử dụng hoặc số tiền nước phải trả hoặc các hành vi khác vi phạm các điều khoản trong hợp đồng cung cấp nước, xâm phạm đến lợi ích của khách hàng.

Khách hàng có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định về nhiệm vụ, công vụ của nhân viên đơn vị cấp nước.

2. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của khách hàng theo Luật Khiếu nại, tố cáo.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các đơn vị cấp nước và các cơ quan, ban ngành có liên quan căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Quy định này và đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh việc sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện Quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín